

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN I
TỈNH GIA LAI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

IaPa, ngày 04 tháng 4 năm 2018

Số: 07/2018/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2018/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn M, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai

Bị đơn: Anh Ngô Văn L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn M, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84, 86 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1993 và anh Ngô Văn L, sinh năm 1990.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: 01 con chung là cháu Ngô Minh T, sinh ngày 08/7/2015.

Chị Phạm Thị H và anh Ngô Văn L thỏa thuận sau khi ly hôn chị Phạm Thị H nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên là Ngô Minh T, sinh ngày 08/7/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị H và anh Ngô Văn L tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không.

Về án phí: Chị Phạm Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Tổng số tiền án phí sơ thẩm chị Phạm Thị H phải chịu là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000103 ngày 01 tháng 3 năm của Chi cục thi hành án Dân sự huyện I tỉnh Gia Lai. Chị Phạm Thị H được hoàn trả lại số tiền là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND tỉnh gia Lai;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện I ;*
- *UBND xã Ia T;*
- *Chi cục THADS huyện I;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Viết Thịnh

Về con chung: Có 04 con chung là Ngô Văn Nam, sinh ngày 27/10/2005; Ngô Văn Phong, sinh ngày 05/3/2007; Ngô Văn Tú, sinh ngày 15/10/2009 và Ngô Thị Uyên, sinh ngày 31/12/2011

Chị Nguyễn Thị Hoài và anh Ngô Văn Nguyên thỏa thuận sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Hoài nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên là Ngô Văn Nam, sinh ngày 27/10/2005; Ngô Văn Phong, sinh ngày 05/3/2007 và Ngô Thị Uyên, sinh ngày 31/12/2011. Anh Ngô Văn Nguyên nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên là Ngô Văn Tú, sinh ngày 15/10/2009 cho đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hoài và anh Ngô Văn Nguyên tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hoài và anh Ngô Văn Nguyên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hoài tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Tổng số tiền án phí sơ thẩm chị Nguyễn Thị Hoài phải chịu là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Hoài đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006673 ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Ia Pa tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Hoài được hoàn trả lại số tiền là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

**TOÀ ÁN NHÂN
DÂN.....⁽¹⁾**

Số:...../...../QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ
ngày.....tháng....năm....., giữa⁽²⁾:

.....
.....
.....
Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành
ngày.....tháng.....năm

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày.... tháng..... năm là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ⁽³⁾
.....
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁴⁾
.....
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.
- (4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).